TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2023/HS-ST
Ngày: 26 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và bà Lã Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN H2 - Sinh năm 1992.

Nơi sinh: Xã B, huyện Â, tỉnh Hưng Yên.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã B, huyện Â, tỉnh Hưng Yên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do;Trình độ học vấn: 9/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 và bà Đinh Thị N, sinh năm 1965. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Họ và tên vợ: Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1992; Bị cáo có 1 con sinh năm 2015 (đã chết).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 08/12/2021, UBND xã B, huyện Â, tỉnh Hưng Yên áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 07/3/2022.

Nhân thân:

- Bản án số 31/2017/HS-ST ngày 28/7/2017, TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 09/10/2018.

- Bản án số 36/2019/HS-ST ngày 25/7/2019, TAND thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử phạt 2 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 06/02/2021.

Tạm giữ: Từ ngày 29/4/2023 đến ngày 05/5/2023.

Tạm giam: Từ ngày 05/5/2023 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Phạm Thị Đ – Sinh năm 1982 *(Có mặt).*

Địa chỉ: Khu H, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chị Đào Thị Thanh T – Sinh năm 1988 *(Có mặt).*

Địa chỉ: Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Anh Phạm Tân P, sinh năm 1974 *(Có mặt)*.

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954 *(Có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 25/4/2023, Nguyễn Văn H2 điều khiển xe mô tô BKS 89F1-358.52 đi từ nhà ở Ấp Đ, xã B, huyện Â, tỉnh Hưng Yên đến huyện B mục đích để xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp (trước khi đi H2 tháo BKS của xe nhằm tránh sự phát hiện của mọi người). Khoảng 10 giờ cùng ngày, H2 điều khiển xe mô tô đi qua cửa hàng tạp hóa của chị Phạm Thị M ở Khu T, thị trấn K, H2 phát hiện thấy tại ngăn chứa đồ phía trước xe mô tô BKS 34B1 - 875.62 của chị Đào Thị Thanh T đang dựng ở đường trước cửa hàng nhà chị M có để điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 7 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H2 điều khiển xe mô tô đi qua cửa hàng T2 rồi vòng quay lại đến cạnh xe của chị T, quan sát thấy chị T đang mua hàng không để ý, H2 đã lấy chiếc điện thoại của chị T mang về nhà cất giấu.

Tiếp đó, khoảng 09 giờ 30 phút ngày 29/4/2023, H2 tiếp tục điều khiển xe mô tô BKS 89F1-358.52 đến huyện B để trộm cắp tài sản. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đi đến đường V, thuộc Khu H, thị trấn K, H2 thấy nhà chị Phạm Thị Đ

đang xây dựng, quan sát thấy không có người, H2 dựng xe bên ngoài rồi đi vào trong nhà tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đi vào khu vực tầng 1, H2 phát hiện tại nền đất có nhiều thanh sắt các loại, H2 lấy 3 thanh sắt loại ø18 mang ra ngoài để lên xe rồi nổ máy đi tiêu thụ. Ngay lúc đó gia đình chị Đ phát hiện, hô hoán và cùng quần chúng nhân dân bắt giữ được H2, đồng thời trình báo với Công an thị trấn K để giải quyết. Công an thị trấn K đã tiếp nhận, lập biên bản vụ việc, bàn giao đối tượng cùng vật chứng (xe mô tô BKS 89F1-358.52 quản lý của H2, 3 thanh sắt ø18) cho Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn H2 đã tự khai nhận hành vi trộm cắp điện thoại của chị Đào Thị Thanh T vào ngày 25/4/2023, đồng thời giao nộp điện thoại OPPO RENO 7 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 04/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện B kết luận: Điện thoại OPPO RENO 7 của chị T trị giá 3.530.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 04/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện B kết luận: 3 thanh sắt ø18 của gia đình chị Đ có tổng khối lượng 11kg, tổng trị giá 113.300đ.

Ngày 08/5/2023 và ngày 09/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại 3 thanh sắt cho chị Đ; trả lại điện thoại OPPO RENO 7 cho chị T. Sau khi nhận lại tài sản, chị Đ và chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự.

Vật chứng của vụ án: Đối với xe mô tô BKS 89F1-358.52 quản lý của bị cáo, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện B để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 11/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn H2 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H2 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và nhất trí với Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG và 13/KL-HĐĐG ngày 04/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện B. Bị cáo công nhận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng. Bị hại có mặt tại phiên tòa đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 từ 08 tháng đến 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/4/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước đối với giá trị 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, biển số 89F1-358.52 kèm theo 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 035844 mang tên Nguyễn Thị M1.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Điều tra viên; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H2:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; lời khai của bị hại; người làm chứng; biên bản vụ việc; biên bản xác định hiện trường; sơ đồ hiện trường; biên bản thực nghiệm điều tra; hình ảnh camera và biên bản giải trình hình ảnh camera; kết luận định giá tài sản; vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 25/4/2023, tại khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, Nguyễn Văn H2 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Đào Thị Thanh T điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 7 trị giá 3.530.000đ. Đến khoảng 10 giờ ngày 29/4/2023, H2 tiếp tục lén lút chiếm đoạt của gia đình chị Nguyễn Thị Đ1 ở khu H, thị trấn K 3 thanh sắt ø18 trị giá 113.300đ, bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt giữ. Tổng trị giá tài sản H2 chiếm đoạt của chị T và chị Đ1 là 3.643.300đ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 2.000.000đ nên có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và từng bị kết án (đã được xóa án tích) về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự thú đối với hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị T và tại phiên tòa bị hại là chị T và chị Đ1 đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 08/5/2023 và ngày 09/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại 3 thanh sắt ø18 cho chị Đ1 và trả lại điện thoại OPPO RENO 7 cho chị T. Sau khi nhận lại tài sản, chị Đ1 và chị T không yêu cầu gì bị cáo bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự trong vụ án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, biển số 89F1-358.52 quản lý của bị cáo H2, giấy tờ xe mang tên chị Nguyễn Thị M1. Quá trình điều tra xác định là chiếc xe được bị cáo mua lại nhưng chưa làm thủ tục thay đổi thông tin đăng ký xe, sau đó bị cáo sử dụng để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước đối với giá trị chiếc xe nêu trên.

[7.1] Ngày 08/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại 3 thanh sắt ø18 cho chị Đ1 và ngày 09/5/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại OPPO RENO 7 cho chị T, chị Đ1 và chị T nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 **08** (*tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/4/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước đối với giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, biển số 89F1-358.52, số máy JA39E0433013, đã qua sử dụng (kèm theo chiếc xe là 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 035844 mang tên Nguyễn Thị M1).

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang ngày 20/7/2023).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H2 phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại (chị T, chị Đ1) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Bộ phận HSNV - CA huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Hải